

Số: /BC-UBND

Chư Ắ, ngày ... tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả xây dựng làng Chuet Ngol đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021**

#### **I. Đặc điểm tình hình chung:**

Tổng diện tích tự nhiên làng Chuet Ngol 173 ha, Phía Bắc giápThắng lợi Phía Nam giáp Thôn 2, Phía Tây giáp Phường Thắng lợi Phía Đông Giáp làng Nha HyonLàng có 203 hộ, 931 khẩu, hầu hết là người đồng bào dân tộc Jarai, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường học cơ bản đã được đầu tư xây dựng đảm bảo phục vụ tốt cho nhân dân.

**Thuận lợi:** Trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng làng nông thôn mới, Làng Chuet Ngol luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, cụ thể, sâu sát của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố và sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của các ban, ngành, đoàn thể thành phố. Đặc biệt, với hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh Gia Lai về khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao; chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, chính sách để lại 80% nguồn thu từ tiền sử dụng đất cho các xã đã trở thành động lực và nguồn lực to lớn khích lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân xã triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

#### **- Khó khăn:**

Công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, nhà nước về xây dựng nông thôn mới có nơi chưa được thường xuyên, một số người dân nắm bắt về Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM còn hạn chế, còn có tính trông chờ, ỷ lại. Trình độ dân trí không đồng đều vì vậy việc triển khai các chủ trương đường lối của Đảng, nhà nước đến với người dân còn nhiều hạn chế, hiệu quả ứng dụng KHKT vào sản xuất đạt hiệu quả chưa cao.

#### **II. Căn cứ triển khai thực hiện:**

Căn cứ Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13 tháng 2 năm 2018 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 26/4/2018 của BanThường vụ Tỉnh ủy về xây dựng NTM trong làng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ quyết định 183/UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành quy định bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn NTM, Quy trình xét công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn NTM thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020

Căn cứ Nghị quyết của Ban chấp hành đảng ủy xã Chư Á có nội dung lãnh đạo thực hiện thành công làng Chuet Ngol đạt chuẩn năm 2021.

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 3/3/2021 về thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Chư Á năm 2021

## **2. Công tác tổ chức, triển khai**

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, thành phố, xã. Chi bộ, Ban phát triển xây dựng NTM làng Chuet Ngol đã tổ chức cho ban quân dân chính rà soát lại toàn bộ 19 tiêu chí, xây dựng kế hoạch đưa ra các phương hướng giải pháp để thực hiện nâng cao, duy trì, hoàn thành 19/19 tiêu chí xây dựng NTM trong năm 2021. Kết quả sau 1 năm thực hiện làng Chuet Ngol cơ bản đã hoàn thành 19/19 tiêu chí.

## **3. Về công tác thông tin tuyên truyền và tham gia tập huấn:**

Ngay từ khi Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13 tháng 2 năm 2018 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 26/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng NTM trong làng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được triển khai

Chi bộ, Ban phát triển xây dựng NTM làng Chuet Ngol đã tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách và quyết định 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 về quy định bộ tiêu chí xây dựng làng NTM giai đoạn 2019-2020 đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cụ thể như thông tin trên loa đài; lồng ghép vào các buổi họp dân, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thanh niên, nông dân, phụ nữ... để tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ ngành Trung Ương, của Tỉnh, thành phố về xây dựng làng NTM để mọi người biết và tham gia hưởng ứng thực hiện. Ngoài ra công tác tuyên truyền còn được thông qua các buổi sinh hoạt của các đoàn thể: Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ, Hội cựu chiến binh. Đã tổ chức 15 buổi với hơn 750 lượt người tham dự.

Thường xuyên phối hợp với Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể và quân dân chính các thôn, xã tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân tích cực tham gia Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”; xây dựng, triển khai các hoạt động cụ thể, thiết thực và hiệu quả như: sửa sang nhà cửa, xây dựng đường giao thông nông thôn, các công trình công cộng, vệ sinh đường làng, ngõ xóm,... Gắn nội dung phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” với thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” cùng các phong trào, hoạt động khác tạo không khí sôi nổi để nhân dân trên địa bàn xã tích cực tham gia thực hiện.

## **3. Về phát triển kinh tế xã hội:**

### **a/ Phát triển sản xuất nông nghiệp:**

Làng Chuet Ngol là 1 trong 10 thôn, làng trên địa bàn của xã thu nhập chính dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp. Để tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân tại làng, UBND xã, chi bộ tập trung chỉ đạo nhân dân mạnh dạn đầu tư, cơ giới hóa trong nông nghiệp, mạnh dạn cải tạo vườn tạp, sử

dụng các giống mới vào sản xuất. Thường xuyên vận động nhân dân tham gia tập huấn các lớp trồng trọt chăn nuôi, áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Vì vậy trong năm 2021 tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 90 ha trong đó 23 ha lúa nước năng suất đạt 4,5-5 tấn/ha, 35 ha rau các loại/ năm năng suất đạt trung bình 8-10 tấn/ ha; 104 con bò, 1500 con heo, 2000 con gia cầm. Thu nhập bình quân trên đầu người đạt 41.09 triệu/người /năm.

**b/ Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.**

Trên địa bàn làng Chuet Ngol chỉ có 17 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ chủ yếu là buôn bán tạp hóa, ga ra. Để nâng cao thu nhập cải thiện đời sống địa phương luôn tuyên truyền vận động người dân thường xuyên đi làm thuê như hái phê, tiêu, làm công nhân các công ty để nâng cao thu nhập.

**c/ Xây dựng cơ sở hạ tầng:**

Trong những năm gần đây được sự quan tâm của các cấp, các ngành, cơ sở hạ tầng điện, đường, trường trạm trên địa bàn làng Chuet Ngol được đầu tư xây dựng mới khang trang hơn. Đường GTNT được đầu tư bê tông hóa 88.07% tạo điều kiện bà con nhân dân đi lại được đảm bảo. Nhà văn hóa làng được đầu tư xây dựng sửa chữa, phục vụ nhân dân hội họp vui chơi, sinh hoạt trong các ngày lễ hội. 100% người dân được sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt và trong sản xuất.

**4. Kết quả huy động nguồn vốn**

**IV. Kết quả huy động nguồn vốn:**

Tổng kinh phí thực hiện làng NTM năm 2021: 1.382.000.000 đồng

- Ngân sách thành phố: 250.000.000 đồng: nâng cao tiêu chí thu nhập UBND xã đã thực hiện mô hình nuôi heo, bò thịt và bò sinh sản:

- Ngân sách xã : 707.893.600 đồng (Xây dựng cổng chào, nâng cao chất lượng tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa bắt điện 13 trụ đèn chiếu sáng, trồng 42 cây giáng hương khu vực trung tâm văn hóa thể dục thể thao).

- Nhân dân đóng góp: 300.000.000 đồng chiếm 41%

**IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM.**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức đánh giá đạt chuẩn NTM theo quy định là 19/19 (tổng số) tiêu chí, đạt 100% cụ thể

**1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Thôn làng xây dựng NTM phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng NTM của xã, vị trí địa lý, ranh giới của thôn làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng NTM được duyệt.

Các công trình giao thông, văn hóa phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch có quỹ đất và được cắm mốc..

b/ Kết quả thực hiện: Quy hoạch của làng Chuet Ngol phù hợp với quy hoạch chung của xã.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

**2 Tiêu chí số 2 về Giao thông (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng NTM được nhựa hóa, BT hóa đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm.

- Đường trục thôn, làng, đường liên thôn, làng được bê tông nhựa hóa  $\geq 70\%$ .

- Đường nội thôn, làng phải sạch không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa và kết nối với đường trục xã  $\geq 50\%$ .

Đường ra khu sản xuất đi lại thuận lợi, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa

b/ Kết quả thực hiện:

- Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng NTM được nhựa hóa, BT hóa đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm 2/2 km đạt 100%

- Đường trục thôn, làng, đường liên thôn, làng được bê tông nhựa hóa :1040/1040 m đạt 100%

- Đường nội thôn, làng phải sạch không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa và kết nối với đường trục xã : 1390 m /1390 m đạt 100 %

Đường ra khu sản xuất đi lại thuận lợi, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa: 600/600 m ( đường đất)

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi: ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: các hộ dân trong thôn làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn

b/ Kết quả thực hiện: Đa số nhân dân sản xuất nông nghiệp sử dụng nước giếng đào, giếng khoan, nước ao hồ là chủ yếu cơ bản đảm bảo nước tưới.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **4. Tiêu chí số 4 về điện ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ trong thôn/ làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện  $\geq 98\%$ .

b/ Kết quả thực hiện: Tổng chiều dài đường điện dài: 2000 m cơ bản đảm bảo phục vụ thường xuyên và an toàn cho 203 hộ dân trên địa bàn làng.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **5. Tiêu chí số 5 về trường học ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Trường /điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất, theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào cổng trang thiết bị dạy học theo quy định.

b/ Kết quả thực hiện: Làng có 1 điểm trường là phân hiệu của trường anh hùng Núp cơ bản đảm bảo cho công tác dạy và học.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

## **6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp, có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phù trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng... Có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên văn hóa thể thao theo quy định.

b/ Kết quả thực hiện:

Tổng diện tích khu vực đất Nhà văn hóa 1.451m<sup>2</sup> là nơi hội họp, sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa văn nghệ và là nơi vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, tường rào, cổng phục vụ cho sinh hoạt hội họp.

Trung tâm thể thao làng với diện tích 8518.1 m<sup>2</sup> phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi thể thao của làng.

- Nhà văn hóa đảm bảo cho 150 tham dự, sân tập thể sân thể thao, các công trình phụ trợ nơi để xe, nhà vệ sinh, vườn hoa, cổng , tường rào

- Cơ cấu tổ chức: Chủ nhiệm nhà văn hóa là Trưởng thôn.

Giải pháp thực hiện: Để nâng cao chất lượng tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa UBND xã đã bố trí tiền sử dụng đất 2021 bắt điện 13 trụ đèn chiếu sáng, trồng 42 cây giáng hương khu vực trung tâm văn hóa thể dục thể thao kinh phí 490.816.000 đồng

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

## **7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại: ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Thôn, làng có ít nhất 1 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm trao đổi mua bán hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn.

b/ Kết quả thực hiện: Trong làng có 4 quầy tạp hóa nhỏ lẻ, là nơi trao đổi buôn bán hàng hóa

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

## **8. Tiêu chí số 8 Về thông tin và truyền thông( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập internet

Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

b/ Kết quả thực hiện: Làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập internet, có 1 cụm loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát. Hệ thống nhà ở trong thôn làng phải đảm bảo 3 cứng( nền cứng, khung cứng,mái cứng) đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10m<sup>2</sup>/ người trở lên, các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.

- Nhà ở vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng cây.

- Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng ngõ, hàng rào, cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch-đẹp.

- Khuyến khích phát triển nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn bộ xây dựng:  $\geq 75\%$

b/ Kết quả thực hiện: Tổng nhà ở trên địa bàn làng 203 căn nhà trong đó 169 nhà xây, 34 nhà tôn, không có nhà tạm. Hệ thống nhà trong làng đảm bảo 3 cứng ( nền cứng, mái cứng, khung cứng) **83.25%**. Diện tích tối thiểu 10 m<sup>2</sup>, các công trình phụ được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp với phong tục tập quán của người dân.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập: (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: 41 triệu/ người/ năm

b/ Kết quả thực hiện: Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn làng Chuet Ngol chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Thu nhập bình quân hàng năm **41.09** triệu/ người/năm

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **11. Tiêu chí số 11 về hộ nghèo: (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 < hoặc = 7%.

b/ Kết quả thực hiện: Làng Chuet Ngol có 2 hộ nghèo chiếm 1 %. và 6 hộ cận nghèo chiếm 3%.

Đề tạo điều kiện cho các hộ vươn lên thoát nghèo UBND xã phối hợp Ủy ban mặt trận thành phố, UBMT xã hỗ trợ vốn sản xuất cho 01 hộ/ 5.000.000 đồng.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động  $\geq 90\%$

b/ Kết quả thực hiện: Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động 532/560 người, chiếm 95%

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **13. Tiêu chí về Tổ chức sản xuất( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.
- Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch công đồng.

b/ Kết quả thực hiện: Làng có tổ các chi em dệt thổ cẩm gồm 6 chi tham gia, hiện đang hoạt có hiệu quả. Đồng thời hội nông dân xã đã thành lập tổ hội nghề nghiệp tại làng Chuet Ngol gồm 20 thành lập cùng liên kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất như (trao đổi về kỹ thuật sản xuất, tiêu thụ sản phẩm).

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo (Đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi: tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp  $\geq 90\%$ . Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non  $\geq 80\%$ .

+ Đạt phổ cập giáo dục mức độ 2: Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt  $\geq 90\%$ . Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học  $\geq 70\%$ .

- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS:  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS của thôn, làng được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề  $\geq 70\%$ .

- Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề  $\geq 25\%$ .

b/ Kết quả thực hiện:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đạt

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi: tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp 100%. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 23/23 HS đạt 100%.

+ Đạt phổ cập giáo dục mức độ 2: Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 20/20 HS đạt 100 %.

Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 58/58 HS đạt 100 %.

- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS: đạt 80 %

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS của thôn, làng được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề 20/27 HS, đạt 74%

- Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo nghề 210/460 lao động đạt 45.65 %.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **15. Tiêu chí số 15 về Y Tế: (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình BHYT  $\geq 85\%$

- Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin trong chương trình tiêm chủng mở rộng  $\geq 97\%$ .

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ( chiều cao theo tuổi):  $<$  hoặc  $= 31.4 \%$

b/ Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình BHYT **791/931 người chiếm 85% .**

- Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin trong chương trình tiêm chủng mở rộng  **$\geq 97\%$ .**

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ( chiều cao theo tuổi): chiếm 16/81 chiếm 19,75 %.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ

**c/ Tự đánh giá: đạt**

### **16. Tiêu chí số 16 về văn hóa: ( đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí: Làng đạt văn hóa theo quy định

b/ Kết quả thực hiện: Làng đạt làng văn hóa năm thứ 4

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **17. Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:  $\geq 95\%$ , nước sạch  $\geq 50\%$ .

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục thủ tục về sinh môi trường. Đạt

- Các tuyến đường trong thôn, làng, nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp. Đạt .

- Về nghĩa trang khu vực chôn cất của thôn, làng phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương, đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu 100m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp, cần phải có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có giải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường. Đạt

- Thôn làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng vứt rác bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định. Đạt

- Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh  $\geq 70\%$

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường  $\geq 60\%$ . Không có tình trạng chăn nuôi dưới sàn

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

- Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “*năm không ba sạch*” và có mô hình “*Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch xây dựng NTM*”

b/ Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: đạt 100%

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về sinh môi trường. Đạt

- Các tuyến đường trong thôn, làng, nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp, Chưa đạt .

Về Nghĩa trang, khu vực chôn cất của làng: Làng không có nghĩa trang, đạt.

- 80% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng vứt rác bừa bãi ra ngoài môi trường; Đạt

- Tỷ lệ hộ trong làng có nhà tắm nhà, vệ sinh, bể chứa nước: tỷ lệ nhà tắm, nhà vệ sinh (146 nhà vệ sinh, bán tự hoại, tự hoại và 57 nhà vệ sinh tạm) **146/203 đạt 72 %**

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi gia súc gia cầm đảm bảo vệ sinh môi trường: 50/65 hộ đạt 76%. Không có tình trạng chăn nuôi dưới sàn.

- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt

- Làng có 75 % hội viên phụ nữ đăng ký tham gia cuộc vận động 5 không 3 sạch, có 1 mô hình” *Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch xây dựng NTM*”. Đạt

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **18. Chính trị - Quốc phòng - an ninh (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định.

Kết quả phân loại chi bộ thôn, làng hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hàng năm được xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt

Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã Công nhận. Đạt

Có quy ước hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện. Đạt

Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham của cộng đồng và được UBND xác nhận. Đạt

Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn làng không có bạo lực gia đình. Đạt

Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản chính sách, pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, lợi ích của người dân; được thông tin định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu, chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ qua cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát, thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn; tổ hòa giải cơ sở ở thôn làng được thành lập, thường xuyên được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành. Đạt

b/ Kết quả thực hiện:

Hệ thống chính trị: Có 6/6 tổ chức chính trị trong làng gồm Chi bộ, Ban công tác mặt trận, chi hội nông dân, Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, chi hội Hội cựu chiến binh.

Năm 2020 chi bộ HTTNV

Các tổ chức đoàn thể chính trị đều đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số đều được tiếp cận được vay vốn ưu đãi từ chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo. Không có trường hợp tảo hôn, bạo lực gia đình.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **19 Tiêu chí quốc phòng an ninh (đạt)**

a/ Yêu cầu tiêu chí:

Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng được bình yên, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động, không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trọng án tội phạm và tệ nạn xã hội để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ( ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế và giảm so với năm trước; Côn an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo an ninh trật tự tại thôn, làng hoạt động thường xuyên có hiệu quả.

b/ Kết quả thực hiện:

Về quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Đồng chí thôn đội trưởng là đảng viên và **lực lượng** dân quân tại chỗ, dân quân cơ động hoạt động đảm bảo.

Về An ninh: Trật tự xã hội trên địa bàn làng bình yên, không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động.

c/ Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí : Đạt

### **V. Đánh giá Chung**

Xác định xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2021 là một trong các nhiệm vụ chính trị quan trọng của chi bộ và làng. Thời gian qua, chi bộ tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt cùng với sự tham gia của quan tâm, giúp đỡ của Ủy ban MTTQVN xã, các tổ chức đoàn thể chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, việc tổ chức xây dựng làng đạt chuẩn NTM đã đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của xã.

- Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa xây dựng làng đạt chuẩn NTM, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về lợi ích trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới. Người dân đã tự nguyện góp công sức, trí tuệ, tiền của, hiến đất xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; đầu tư vốn để phát triển sản xuất nhằm nâng cao thu nhập.

- Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển biến theo hướng tích cực, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp hàng năm đều tăng. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng nâng cao.

Chi bộ và các tổ chức chính trị - xã hội làng được củng cố tăng cường; đội ngũ cán bộ, đảng viên trong làng hoạt động nhiệt tình và có hiệu quả. Tình hình an ninh trật tự xã hội trong làng tiếp tục được giữ vững, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Kết quả đến nay làng đạt 19/19 tiêu chí

### **Tồn tại, hạn chế**

Trình độ dân trí không đồng đều nên việc tiếp cận các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đôi lúc chưa kịp thời, thiếu kiến thức về tổ chức cuộc sống nên sản xuất không hiệu quả, chi tiêu thiếu khoa học nên vẫn còn hộ nghèo, cận nghèo. Một bộ phận cư dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước.

- Đa số nông dân hiện nay vẫn còn thói quen sản xuất manh mún, chưa bắt kịp thông tin thị trường, chạy theo thời vụ và không có kế hoạch trông trọt dài hạn. Chưa tạo được liên kết giữa "Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp" hiện tại để hỗ trợ người nông dân sản xuất. Nguồn vốn đầu tư để triển khai xây dựng nông thôn mới còn hạn hẹp.

### **Nguyên nhân hạn chế**

- Xây dựng thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới là một chương trình mới, với nhiều tiêu chí đề ra là khá cao so với thực lực ở các làng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Một số cán bộ và một bộ phận người dân nông thôn chưa xác định rõ xây dựng NTM là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, còn có tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Chưa nhận thức đúng về quan điểm: "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*".

### **V. Bài học kinh nghiệm**

Một là, phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp Đảng ủy, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong quá trình triển khai thực hiện.

Hai là, tăng cường công tác kiểm tra giám sát của Chi bộ, Ban phát triển xây dựng NTM của làng và Ban giám sát thôn làng, thường xuyên kiểm tra theo dõi, phản ánh kịp thời các vấn đề, đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Ba là, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng, ý nghĩa, nhiệm vụ của xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới.

Bốn là, kế hoạch triển khai xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới phải cụ thể, chi tiết, xác định rõ nguồn lực, đảm bảo tính khả thi; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, vai trò của Bí thư, Trưởng thôn, tinh thần gương mẫu của gia đình cán bộ, đảng viên.

Năm là, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; cơ chế “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ*” được thực hiện một cách thiết thực và hiệu quả. Chú trọng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng nông thôn mới.

Sáu là, động viên, khen thưởng kịp thời các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình nhằm khuyến khích, thúc đẩy phong trào.

## **VI. Kế hoạch duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.**

### **1. Quan điểm:**

Tập chung đưa làng Chuet Ngol phát triển về mọi mặt, nâng cao thu nhập cho nhân dân nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp an toàn và bền vững, tạo lòng tin của nhân dân đối với Đảng với Nhà nước.

### **2. Mục tiêu**

Lấy mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân làm mục tiêu trọng tâm. Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã đạt được. Từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, hạ tầng xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Phát triển nông thôn theo quy hoạch gắn nông nghiệp với phát triển dịch vụ, thương mại. Hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, bản sắc văn hóa được bảo tồn, dân trí được nâng cao. Môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao, sát dân, lắng nghe ý kiến nhân dân.

### **3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM**

#### **+ Tiêu chí 1 - Quy hoạch**

- Hoàn thiện cắm mốc giao thông theo quy hoạch, vận động nhân dân tham gia hiện đúng quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

#### **+ Tiêu chí số 2 - Giao thông**

Bê tông 600 m đường đất còn lại để phục vụ đi lại cho người dân.

#### **+ Tiêu chí số 3 - Thủy lợi**

- Tập trung vận động nhân dân sử dụng nguồn nước hợp lý, tăng cường kiểm tra các dòng suối tự nhiên để tránh trường hợp san lấp để dùng vào mục đích khác.

- Hàng năm, vận động nhân dân phối hợp với các thôn làng khác tổ chức nạo vét kênh mương để đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vụ Đông Xuân. đã

#### **+ Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:**

- Tiếp tục vận động nhân dân chỉnh trang nhà ở, đảm bảo phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt đối với các thành viên trong gia đình, đồng thời đảm bảo diện tích nhà ở đạt 10m<sup>2</sup>/người trở lên và niên hạn sử dụng phải trên 20 năm. Trong quá trình cải tạo nâng cấp và xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo vệ sinh môi trường và có các công trình phụ như bếp, nhà vệ sinh ...

#### **+ Tiêu chí số 10 - Thu nhập**

Để nâng cao thu nhập bình quân đầu người cần tập trung mở rộng diện tích chuyển đổi rau màu tại các cánh đồng thiếu nước trong vụ đông xuân.

Thực hiện tốt các mô hình khuyến nông của xã và mô hình khuyến nông của thành phố như mô hình nuôi gà thả vườn, mô hình tái canh cà phê, mô hình nuôi bò sinh sản, mô hình tưới nước tiết kiệm. Tích cực thâm canh, tăng vụ để nâng cao năng suất chất lượng cây trồng và gieo trồng đạt kế hoạch thành phố giao. Tuyên truyền vận động nhân dân tiếp tục thực hiện đề án lai cải tại đàn bò, nạc hóa đàn heo. Tuyên truyền các hộ kinh doanh, buôn bán đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh cả về số lượng và chất lượng.

#### **+ Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo**

Cần có biện pháp giúp đỡ các hộ thoát nghèo bền vững, liên kết với các doanh nghiệp tạo nhiều việc làm, mở ra nhiều lớp khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Xây dựng nội dung, kế hoạch và giải pháp để thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững và triển khai các Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo; thực hiện các giải pháp để giúp đỡ, hỗ trợ các đối tượng là hộ cận nghèo và hộ có nguy cơ tái nghèo, nguy cơ phát sinh nghèo. Hàng năm vận động các doanh nghiệp, cá nhân tham gia đóng góp kinh phí và vật chất để hỗ trợ cho các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo một cách bền vững.

#### **+ Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm**

- Tổ chức rà soát, thống kê định kỳ lượng lao động trên địa bàn làng để có đăng ký nhu cầu đào tạo nghề cho người dân.

#### **+ Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất**

- Duy trì và củng cố hoạt động của tổ hợp tác, tổ hội nghề nghiệp tiếp tục vận động người dân làm thành viên của tổ hợp tác nhằm mục đích giảm chi phí, nâng cao giá trị sản phẩm, sản xuất có hiệu quả.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình khuyến nông có hiệu quả trên địa bàn xã.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi một số diện tích vụ lúa Đông Xuân sang cây hoa màu (ngô, rau màu ...).

#### **+ Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo**

- Giữ vững các thành quả đã đạt được, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy và nâng cao trình độ giáo viên. Tiếp tục xã hội hoá giáo dục và đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đảm bảo nhu cầu nâng cao trí thức cho mọi người dân.

- Khuyến khích trẻ em trong độ tuổi đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục trung học, nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).

#### **+ Tiêu chí 15 - Y tế**

- Thực hiện công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân trên địa bàn về công tác chăm sóc y tế, phòng chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em trên địa bàn làng.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế trong các tổ chức đoàn thể ở thôn, làng. Duy trì tỷ lệ tham gia BHYT đạt 85%.

**+ Tiêu chí số 16 - Văn hóa**

- Duy trì và tiếp tục phát huy thực hiện tốt các thôn giữ vững danh hiệu “thôn, làng văn hóa”. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để thay đổi cơ bản về nhận thức của người dân. Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các quy ước, hương ước làng và tổ chức thực hiện để xây dựng đời sống văn hoá.

**+ Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm**

- Chi hội nông dân làng tăng cường vận động nhân dân thực hiện tốt việc thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định.

- Chi Hội Phụ nữ tiếp tục duy trì nhân rộng mô hình ”xây dựng hàng rào xanh, con đường hoa , vận động người dân thu gom xử lý rác thải sinh hoạt bằng việc chôn, đốt, không vứt rác bừa , vận động 100% hộ hội viên phụ nữ đăng ký xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, xây dựng nông thôn mới.

- Duy trì và nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn; Vận động nhân dân tiếp tục đăng ký thu gom rác; Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước trong thôn; 100% cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường; xây dựng và cải tạo ao hồ sinh thái; trồng cây các công trình công cộng.

**+ Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

Duy trì hàng năm các tổ chức chính trị xã hội được xếp loại vững mạnh.

**+ Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh**

Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn luôn được đảm bảo, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, nhà nước, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người. Lực lượng công an viên, thôn đội thường xuyên trực gác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện 19/19 tiêu chí xây dựng làng Chuet ngol đạt chuẩn nông thôn mới 2021.

**Nơi nhận:**

- BQL XDNTM thành phố;
- Lưu :VP-UB

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thu Hương**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI  
Làng Chuet Ngol, xã Chư Ắ, Thành phố Pleiku**

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, làng		KQ thực hiện năm 2019	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, làng ĐBKK, Làng ĐBDTTS	Thôn, làng còn lại		
1	Quy hoạch	1.1 Thôn làng xây dựng NTM phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng NTM của xã, vị trí địa lý, ranh giới của thôn làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng NTM được duyệt.	Đạt		Đạt	Đạt
		1.2 Các công trình giao thông, văn hóa phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch có quỹ đất và được cắm mốc..	Đạt			
2	Giao thông	2.1 Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng NTM được nhựa hóa, BT hóa đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm.	100%		2/2 km đạt 100%	
		2.2 Đường trục thôn, làng, đường liên thôn, làng được bê tông nhựa hóa	>= 70%	>= 70%	1040/1040m đạt 100%	
		2.3 Đường nội thôn, làng phải sạch không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa và kết nối với đường trục xã	>= 50% cứng hóa	>= 80% cứng hóa	1390 /1390 m đạt 100 %	Đạt
		2.4 Đường ra khu sản xuất đi lại thuận lợi, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa	>= 70% cứng hóa	>= 80% cứng hóa	600m đường đất đảm bảo đi lại	Đạt
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: các hộ dân trong thôn làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt		Đạt	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn >= 98%	Đạt		Đạt	Đạt
5	Trường học	Trường /điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất, theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào cổng trang thiết bị dạy học theo quy định.	Đạt		Đạt	Đạt

6	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>	Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp, có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phù trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng... Có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên văn hóa thể thao theo quy định.	Đạt		Đạt	Đạt
7	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại</b>	Thôn, làng có ít nhất 1 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm trao đổi mua bán hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn.	Đạt		Đạt	Đạt
8	<b>Thông tin và Truyền thông</b>	8.1 Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập internet	Đạt		Đạt	Đạt
		8.2 Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.	Đạt		Có 1 cum loa	Đạt
9	<b>Nhà ở dân cư Thu nhập</b>	9.1 Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát. Hệ thống nhà ở trong thôn làng phải đảm bảo 3 cứng( nền cứng, khung cứng,mái cứng) đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10m <sup>2</sup> / người trở lên, các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.	Đạt		Đạt	Đạt
		9.2 Nhà ở vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng cây.	Đạt		Đạt	Đạt
		9.3 Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có công ngọc, hàng rào, cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch-đẹp.	Đạt		Đạt	Đạt
		9.4 Khuyến khích phát triển nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương.	Đạt		Đạt	Đạt
		9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	> 75%	> 85%	169/203 nhà đạt 83.25%.	Đạt
10		Thu nhập bình quân đầu người tại làng đến năm 2020 (triệu đồng/người/năm)	Năm 2019: 38 triệu Năm 2020 41 triệu	Năm 2019: 40 triệu Năm 2020 45 triệu	41.09 triệu đồng/người/năm (Đạt)	Đạt
11	<b>Hộ nghèo</b>	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	=<7%		Đạt	Đạt
12	<b>Lao động có việc làm</b>	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%		532/560 người, chiếm 95%	Đạt
13	<b>Tổ chức sản xuất</b>	13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.	Đạt		Tổ hợp chăn nuôi đệt thổ cẩm	Đạt
		13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du	Đạt		Tổ hội chăn nuôi	Đạt

		lịch công đồng.				
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1 - Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở:			Đạt	Đạt
		+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:				
		Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥90%.	≥90%.	23/23 em đạt 100%	
		Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non ≥80%.	≥80%.	≥85%.	100%	
		+ Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:			Đạt	
		Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ≥90%.	≥90%.	≥90%.	Đạt 100%	
		Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học ≥70%.	≥70%.	≥80%.	58/58 đạt 100%	
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS: ≥80%.	≥80%.	≥90%.	80%	
14.2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS của thôn, làng được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề	> 70%	> 70%	20/27 em đạt 74%		
14.3	Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề ≥ 25%.	=> 25%		210/460 đạt 45,65 %	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	> 85%	> 90%	85%	Đạt
		15.2 Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt		Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	> 97%		97%	Đạt
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	<31,4%	<30%	16/81 chiếm 19,75 %.	Đạt
16	Văn hóa	Làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt		Đạt	Đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17,1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường	>95%	> 95%	203/203 hộ (Chiếm 100%)	Đạt
			(> 50% nước sạch)	(> 50% nước sạch)	203/203 hộ (Chiếm 100%)	Đạt
		17.2. - Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục thủ tục về sinh môi trường.	100%		Đạt	Đạt
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng, nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp.	Đạt		Đạt	Đạt
		17.4. - Về nghĩa trang khu vực chôn cất của thôn, làng phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương, đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu 100m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp, cần phải có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và	Đạt		Đạt	Đạt

		<p>mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có giải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường.</p>				
		<p>17.5. Thôn làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hồ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng vứt rác bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh</p>	> 70%	> 80%	146/203 nhà vệ sinh đạt 72%	Đạt
		<p>17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường Không có tình trạng chăn nuôi dưới sàn</p>	> 60%	> 70%	50/65 hộ 76%	Đạt
		<p>17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%</p>	100%	100%	Đạt	Đạt
		<p>17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “năm không ba sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch xây dựng NTM”</p>		Đạt	Đạt	Đạt
18	<p><b>Hệ thống chính trị và bình đẳng giới</b></p>	<p>18.1. Làng có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi đoàn Thanh niên) Kết quả phân loại chi bộ thôn, làng hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hàng năm được xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã Công nhận.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>18.3. Có quy ước hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham của cộng đồng và được UBND xác nhận.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn làng không có bạo lực gia đình.</p>	Đạt		Đạt	Đạt
		<p>18.6. Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản chính sách, pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, lợi ích của người dân; được thông tin định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu, chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ qua cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát, thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các</p>	Đạt		Đạt	Đạt

		buổi họp thôn; tổ hòa giải cơ sở ở thôn làng được thành lập, thường xuyên được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành.			
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Lực lượng dân quân bố trí theo quy định và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Trật tự xã hội trên địa bàn làng bình yên: không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế	Đạt	Đạt	Đạt
<b>Tổng tiêu chí đã đạt</b>				<b>19/19</b>	